

VỊ THIỀN (禪) TRONG “MỘNG NGÂN SƠN” CỦA QUÁCH TẤN

Lê Đắc Tường

Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum

Email: ledactuong@gmail.com

Ngày nhận: 10/3/2021; Ngày duyệt đăng: 16/7/2021

Tóm tắt

Trong quá trình hình thành và phát triển văn học Việt Nam, dấu ấn của thiền khá sâu đậm, đặc biệt là trong văn học thời Lý - Trần. Bước qua giai đoạn văn học hiện đại, tuy sự ảnh hưởng này không còn sâu sắc nhưng thiền vẫn hiện diện trong đời sống văn học. Mộng Ngán Sơn của Quách Tấn là một trong những tập thơ tiêu biểu cho sự lan tỏa của thiền trong văn học hiện đại.

Từ khóa: *thiền, vị thiền, Mộng Ngán Sơn*

The word “Zen” in Quach Tan’s “Mong Ngan Son” work

Abstract

Zen has deeply imprinted on the process of forming and developing Vietnamese literature, especially in the literature of the Ly - Tran dynasty. Entering the stage of modern literature, although this influence is no longer profound, Zen is still present in the literary life. Mong Ngan Son by Quach Tan is one of the poems representing the spread of Zen in modern literature.

Keywords: *Zen, The word Zen, Mong Ngan Son*

1. Đặt vấn đề

Thiền tông khởi nguồn từ Ấn Độ, phát triển ở Trung Quốc và thăng hoa tại Nhật Bản. Ở Việt Nam, Thiền tông là một dòng phái chủ đạo, bao trùm và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi hoạt động của Phật giáo nói riêng và xã hội nói chung. Trong văn học Việt Nam, ảnh hưởng của Thiền tông khá sâu đậm, đặc biệt là trong văn học cổ điển và sức lan tỏa của thiền còn ảnh hưởng đến văn học hiện đại. Tập thơ *Mộng Ngán Sơn* của Quách Tấn là tiêu biểu của sự ảnh hưởng đó. Đây là tập thơ tiêu biểu cho phong cách thơ của “kẻ nói dòng sư thi sĩ”

Quách Tấn. Bài viết khảo sát 135 bài ngũ ngôn tuyệt cú và bước đầu cảm nhận vị thiền trong *Mộng Ngán Sơn* - tập thơ đã “*cảm dưỡng hào khí của Thiền tông Việt Nam*” (Quách Giao, 1994: 296).

2. Vị Thiền trong “Mộng Ngán Sơn” của Quách Tấn

Quách Tấn tự Đăng Đạo, hiệu là Trường Xuyên, sinh năm 1910 tại Bình Khê, Bình Định. Sinh ra, trưởng thành, sáng tác trong thời hiện đại, trong không khí thơ mới ngập trời thì Quách Tấn vẫn “*Một tâm lòng*” với “*Mùa cổ điển*”. Tuy Quách Tấn được xem là nhà thơ Đường cuối cùng của

Việt Nam, nhưng thơ ông vẫn mang hơi thở của thời đại, là nhà thơ cũ nhưng trong thơ Quách Tấn vẫn mang tình mới, ý mới. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã xếp Quách Tấn vào hàng ngũ của những nhà thơ mới, bởi chính Hoài Thanh cũng nhìn thấy cả phương Đông lẫn phương Tây, cổ điển lẫn hiện đại trong thơ Quách Tấn: “*Cảm được lòng người đàn bà khó chịu kia (thơ Đường) họa chỉ có Quách Tấn... Nhưng Quách Tấn có thực là một nhà thơ cũ hoàn toàn? Có thực Quách Tấn không bao giờ mơ tưởng bạn phương xa*” (Hoài Thanh, Hoài Chân, 1998: 267). Trong sự nghiệp văn học của Quách Tấn, nổi bật hơn cả vẫn là lĩnh vực thơ. Đến nay, đã có nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu đánh giá về thơ Quách Tấn, hầu hết các ý kiến đều đánh giá cao thơ của Quách Tấn và cho rằng Quách Tấn có vị trí xứng đáng trong nền văn học Việt Nam thế kỷ XX. Trong những đánh giá về thơ Quách Tấn, đáng chú ý là những nhận định mang đậm màu sắc Phật giáo của hai người bạn tâm giao. Phạm Công Thiện cho rằng: “*Quách Tấn là một Phật tử trọn vẹn, đã thu tóm tất cả những bài thơ mộng của Phật giáo vào trong cuộc đời trầm lặng của mình*” (Quách Giao, 1994: 105). Trần Phong Giao thì nhận xét: “*thơ Quách Tấn càng về sau đã “thấy”, đã “nhập” vào Thiên*” (Quách Giao, 1994: 287).

Bàn về Thiên và cảm nhận Thiên trong văn chương luôn là vấn đề nan giải. Vì vậy, việc tìm hiểu Thiên trong thơ Quách Tấn qua tập thơ *Mộng Ngân Sơn* cũng rất khó tưởng mình. Tựu trung lại, vị Thiên trong *Mộng Ngân Sơn* được biểu hiện qua các nội dung như: Thiên gắn với tự nhiên, tĩnh lặng, bình dị, tự tại, vô ngôn.

2.1. Thiên gắn với tự nhiên, hòa đồng với tự nhiên

Trong văn học cổ điển Việt Nam,

những tác giả chịu ảnh hưởng của Nho giáo xem tự nhiên là đối tượng để người sáng tác miêu tả, chia sẻ tâm trạng, gởi gắm nỗi niềm. Đối với những tác giả chịu ảnh hưởng của thiên-lão thì giữa tự nhiên và con người có sự giao cảm, cộng hưởng, khi đó giữa người và tự nhiên là nhất thể. Quách Tấn thuộc dạng thứ hai, tự nhiên trong thơ Quách Tấn đượm màu sắc thiên.

Trong tổng số hơn 50 bài thơ của tập thơ *Mộng Ngân Sơn*, hầu hết mỗi bài thơ đều là cảnh tự nhiên xinh đẹp của quê hương, đặc biệt là hình ảnh các sinh vật tự nhiên, thân thương nơi đồng quê. Từ các loài hoa như hoa quỳnh, cúc, tường vy, lài, sứ, mận, mướp, bưởi, sim, ...; các loài cây như mận, mướp, cỏ chi, lúa, cam, chuối, cau, trúc, ...; đến các loài vật như sò, chim sẻ, dế, ... đều là những hình ảnh sinh động và đầy đặn ý và tình của tác giả. Những hình ảnh đó đã được Quách Tấn trao linh hồn và tâm tính, hòa quyện thành nhất thể, bởi Quách Tấn quan niệm: “*Tâm tôi hòa với cảnh, tâm cảnh thông cảm với nhau, phản ảnh lẫn nhau, tôi không còn phân biệt nội tâm, ngoại cảnh. Những cảnh trong thơ tôi là hình ảnh của lòng tôi*” (Quách Giao, 2006: 737).

Quách Tấn trân quý, nâng niu, sùng thượng tự nhiên. Trước tự nhiên, Quách Tấn rất khiêm nhường với thái độ không chỉ “không nở” mà còn “nghiêng lòng”. Ở đó tự nhiên như rung cảm, tán dương với cử chỉ trang nhã của người làm thơ:

*Tình quê phong nhụy thắm
Đón chiếc nở bờ sương
Không đưa tay nở hái
Nghiêng lòng đón lấy hương.
(Đón hương)*

Tự nhiên trong thơ Quách Tấn vừa có tính thẩm mỹ vừa có tính triết lý và tâm linh. Qua bài thơ trên, Quách Tấn đã hòa quyện cùng tự nhiên, giữa tiểu ngã và đại ngã để

làm thành khối đồng nhất. Điều này càng thể hiện rõ hơn qua bài thơ sau:

*Vỏ sò khô áp ủ
Niềm băng tuyết đêm sương
Muôn xa bờ bến cũ
Vang vọng sóng trùng dương.
(Áp ủ)*

Với một vỏ sò khô, Quách Tấn đã gửi vào đó một tâm hồn, một sức sống vĩnh cửu. Vỏ sò khô là một thực thể chết nhưng Quách Tấn đã nghe trong nó tiếng vang vọng của biển khơi. Sự sống hay cái chết đồng hiện trong thế giới hiện hữu. Vỏ sò và biển cả, tiêu ngã và đại ngã tương duyên với nhau. Đây là bài thơ Quách Tấn rất tâm đắc và đã thai nghén trong 15 năm (1947-1963). Bài thơ thể hiện triết lý “bất diệt”, “tùy duyên bất biến” của đạo Phật.

Nếu hiểu thiền là một thái độ sống, một phong cách sống của người đã thể hiện được sự huyền đồng giữa tiêu ngã và đại ngã, thì Quách Tấn, qua những bài thơ trên đã là một thiền gia. Và nếu thơ thiền Việt Nam xem tự nhiên là lý tưởng thẩm mỹ, là nguồn sáng tạo nghệ thuật, thì Quách Tấn đã xứng đáng là người nối dòng sư thi sỹ.

Tự nhiên trong thơ Quách Tấn mang sắc thái thiền, nó là cái “như nó vốn có”, mang tính mộc, phác, chuyết. Tự nhiên trong thơ Quách Tấn không hẳn là “hiện thực biểu tượng” càng không phải “hiện thực phúng dụ”, mà là hiện thực “*mượn tâm tả cảnh*” (Lê Ngọc Trà, 2018: 11), một kiểu hiện thực phổ biến trong thơ cổ phương Đông. Thơ Quách Tấn không nhằm mục đích tả tự nhiên mà cốt yếu là cái nhìn và tâm trạng, là một tấm lòng thanh cao, tự tại, cùng với một chút buồn cô liêu thể hiện sự tĩnh lặng của vũ trụ, một trạng thái tâm linh gắn với Thiền.

2.2. Thiền gắn với sự tĩnh lặng

Thiền là tĩnh lặng để thấu triệt và giác

ngộ, trong *Mộng Ngân Sơn* rất nhiều bài thơ là một sự tĩnh lặng: tĩnh lặng của cảnh vật, tâm hồn và quan trọng hơn là tĩnh lặng trong giác ngộ.

Nói về sự tĩnh lặng của tự nhiên và lòng người, có lẽ mùa thu sẽ là thích hợp nhất. Tập *Mộng Ngân Sơn* của Quách Tấn có nhiều bài thơ nói về mùa thu và sự tĩnh lặng. Mỗi bài thơ về mùa thu là một bức tranh tĩnh và thanh vắng. Sau đây là hai bài tiêu biểu về mùa thu ở hai thời điểm chiều và tối.

Trời chiều, với nắng, gió thu lạnh, không gian trở nên tĩnh mịch hơn và tâm trạng của tác giả cũng trở nên thôn thức hơn:

*Nắng chiều thu trở lạnh
Buồn vườn ngọn heo may
Lặng lẽ hồ in bóng
Con cò đơn chiếc bay.*

(Lặng lẽ)

Đến đêm thì thu đã không chỉ là mùa thu mà là lòng thu. Cũng chỉ một tiếng động thoảng của chuông chùa vọng lại, trong bóng đèn khuya, cùng với tĩnh của mùa thu, tâm trí của tác giả cũng trở nên hư tĩnh. Bài thơ mở đầu bằng tiếng chuông chùa, kết thúc bằng trạng thái hư tĩnh, giác ngộ:

*Thoảng tiếng chuông chùa vọng
Bóng đèn khuya rung rinh
Nao nao lòng giếng quạnh
Hơi thu tràn hư linh.*

(Thâm u)

Bài thơ này làm chúng ta liên tưởng đến hình ảnh thiên nhiên mang tính biểu tượng bởi cảm quan Phật giáo Thiền tông. Khi bàn về thiên nhiên trong thơ Phật giáo thời Lý - Trần, Nguyễn Công Lý đã nhận định: “... *khi con người đạt đến cái tâm trong suốt, vắng lặng. Lúc đó, con người có thể nhập cái tâm của mình làm một với cái tâm bản thể chân như vũ trụ, đất trời vạn vật*” (Nguyễn Công Lý, 2002: 235).

Tâm trí hư tĩnh là điều kiện để thấu triệt chân lý giác ngộ. Sinh thời Quách Tấn thường ngồi thiền, khi trần cấu lắng hết, lòng thanh tịnh hòa đồng cùng vạn vật. Trong trạng thái đó, một cái búng chân nhảy của con cào cũng đủ khiến bầu trời buổi chiều thu xao động và lòng người rung chuyển, tiêu ngã hòa vào đại ngã:

*Nước ngâm trời long lanh
Con cào cào áo xanh
Bờ cao búng chân nhảy
Mây chiều thu rung rinh.*

(Búng chân)

Và bài thơ sau đây, nếu nói tĩnh để ngộ cũng đúng và từ hư, vô đến thấu triệt cũng không sai:

*Mưa xừng rừng thêm vắng
Mong tìm một bóng chim
Gió rung cành rụng nắng
Bừng sáng cánh hoa sim.*

(Cánh hoa sim)

Ba câu đầu của bài thơ là tĩnh, vô, hư, nhưng câu cuối cuối là hữu, là sự bừng sáng của trí tuệ, là sự giác ngộ chân lý. Câu cuối của bài thơ gợi nhớ đến câu: “*Đình tiền tạc dạ nhất chi mai*” của Mãn Giác thiền sư thời Lý.

2.3. Thiền gắn với sự bình dị, mộc mạc

Thiền là “Bình thường tâm thị đạo”. Thiền là tự nhiên gắn với đặc tính là phác cũng có nghĩa là mộc mạc, bình dị. Hình ảnh trong thơ của Quách Tấn rất mộc mạc, giản dị nhưng lại chứa đầy sự nồng nàn.

Sự mộc mạc, bình dị trong thơ Quách Tấn được biểu hiện thông qua các loài hoa hết sức giản dị như hoa trinh nữ, cau, lài, sứ, mận, mướp, bưởi, sim, ...; các loài cây đời thường như cỏ chỉ, lúa, cam, chuối, cau, ... và các loài vật gần gũi như sò, cào cào, chim sẻ, chàng hiu, dế, ... Tuy nhiên, từ những hình ảnh bình dị, mộc mạc đó gợi lên nhiều điều trong đó có tấm lòng, tâm trạng và tư

tưởng của tác giả.

Trong *Chiều tiễn biệt*, hình ảnh con sông, ngọn gió, bờ lau, cánh bướm, lá, mưa là những hình ảnh rất đời thân quen ở vùng quê, nhưng khi vào thơ đều trở thành những hình ảnh mang nặng tâm trạng ly biệt của Quách Tấn:

*Sông dòn hơi gió lạnh
Bờ hút bóng lau thưa
Đứng đợi bướm xa khuất
Ngày chiều lá đổ mưa.*

(Chiều tiễn biệt)

Ở trên đã dẫn ra những bài thơ có hình ảnh con sò, con cào cào, con cò, ... những hình ảnh đó đều rất bình dị và là những hình ảnh mang tâm trạng và triết lý. Hình ảnh con cò đơn chiếc trong bài thơ *Lặng lẽ* (đã trích ở trên) xuất hiện ở cuối bài thơ và mang tâm trạng buồn, cô đơn của tác giả. Con cò trong *Dòng thu* xuất hiện từ câu thơ đầu tiên, tượng trưng cho sự nhỏ nhoi, vô thường. Nhưng trong cái nhỏ bé, vô thường đó lại xuất hiện sự bao la, thường hằng và bất diệt của vũ trụ:

*Cò ro thân cò lép
Bến lạnh đứng rình môi
Bát ngát dòng thu quện
Mây chiều lơ lửng trôi.*

(Dòng thu)

2.4. Thiền gắn với thái độ sống tự tại, an nhàn

Thiền gắn với thái độ vô úy, an nhàn tự tại. Trong thơ cổ điển Việt Nam, “*sự dừng dừng*” này đã được các tác gia cổ điển thể hiện ở thái độ an nhiên, tự tại, vô úy trước sinh tử, thịnh suy. Đây là thái độ của những con người đã thấu hiểu lẽ sinh tử, hiểu rõ tự nhiên, sống hòa điệu cùng quy luật. Họ sống khiêm tốn, mờ nhạt bên ngoài để nuôi dưỡng cái bên trong là tài năng, phẩm hạnh và cả sự diệu ngộ.

Thơ của Quách Tấn tuy không đậm đặc

nhưng cũng có “*sự dừng dừng*” của người xưa, đó là sự nhận chân được vô thường, từ đó có được sự an nhàn tự tại và giác ngộ trong cuộc sống.

“*Sự dừng dừng*” của Quách Tấn trước hết là ở nhận thức. Ông đã “*Vốn biết lẽ vô thường*” (*Đắp mộ*) nên đã không còn phân biệt thị phi, chân ngụy.

Trăng khuya là bài thơ cuối cùng của tập thơ *Mộng Ngân Sơn*, nhà thơ “*đứng ngoài cảnh thực nhìn vào mộng, nhưng mộng không huyền mà chân, trường tồn và bất biến*” (Quách Giao, 2006: 730):

*Gởi gắm dòng tâm sự
Trăng khuya nến ửng hồng
Muôn nghìn sau ngoảnh lại
Dù mộng chẳng hư không.*
(*Trăng khuya*)

Với triết lý như vậy, nên chúng ta thường bắt gặp trong thơ một Quách Tấn sống an nhàn, tự tại trong cuộc đời dẫu bề. Trong cảnh đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của vườn hồng, tiếng sẻ, của mặt trời, gió thổi,... hình ảnh con sâu già ngủ quên gợi lên nhiều điều, ở đó thấp thoáng hình ảnh của tác giả:

*Vườn hồng vang tiếng sẻ
Gió thổi mặt trời lên
Hương ấm hoa hàm tiếu
Con sâu già ngủ quên.*
(*Vườn hồng*)

“*Gối sách nhìn hư không*” là hình ảnh đã vượt qua sự ung dung, tự tại mà hướng đến giác ngộ, siêu thoát. Bài thơ *Thoáng hiện* đã thể hiện rõ điều này:

*Nghìn xưa không còn nữa
Nghìn sau rồi cũng không
Phảng phất bờ trăng rạng
Hương Ưu Đàm trở bóng.*
(*Thoáng hiện*)

Đây là bài thơ được khắc trên bia mộ của Quách Tấn. Hai câu đầu là vô, hai câu

sau là hữu. Vô, dù nghìn xưa hay nghìn sau và đó cũng là triết lý vạn vật vô thường. Hữu là cái thường hằng bất diệt của vũ trụ, là sự giác ngộ chân lý. Giữa cái hữu và cái vô không có ranh giới. Trăng không mất mà mãi rạng, hoa Ưu Đàm vẫn nở. Trăng tượng trưng cho trí tuệ Bát Nhã, hoa Ưu Đàm tượng trưng cho đáng giác ngộ. Bài thơ như một lời kinh thoáng hiện, người thơ dù có mất nhưng hương thơ vẫn còn nở mãi.

Trong phong trào thơ mới, khi cái tôi được đẩy lên tuyệt đối như của Xuân Diệu, hay cái tôi vẫn đang “*ngơ ngác*” như của Lưu Trọng Lư, thì Quách Tấn vẫn sống tự tại, an nhàn, siêu thoát. Điều này gợi nhớ cách sống của các nhà nho ở ẩn như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, ...

2.5. *Thiền gắn với vô ngôn*

Thiền là vô ngôn, bất lập văn tự. Đây là đặc trưng cơ bản của Thiền và thơ Thiền. Vô ngôn trong *Mộng Ngân Sơn* biểu hiện qua ngôn ngữ và thể thơ.

Ngôn ngữ trong thơ Quách Tấn là thứ ngôn ngữ bình dị, hồn nhiên, hàm súc. Những bài thơ trong *Mộng Ngân Sơn*, tuy là thơ Đường luật nhưng ngôn ngữ lại rất giản dị, gắn với đời thường. Sự giản dị, đời thường đó lại có sức lay động lòng người, làm cho lòng người phải “*nắng mưa*”:

*Trăm năm lời thệ ước
Mây nước bến đò xưa
Người cũ đừng qua tới
Cho lòng đỡ nắng mưa.*
(*Bến đò xưa*)

Và đây là những thanh âm rất đời thường:

*Cảm ơn ông hàng xóm
Ngừng mở máy thu thanh
Vòng đưa thêm mạn chín
Nghe sẻ gọi bình minh.*
(*Tiếng vui*)

Bài thơ tưởng rất đơn giản, đơn giản ở lý do làm bài thơ, đơn giản ở lời thơ, nhưng đọc kỹ chúng ta có thể khám phá ra nhiều điều thú vị. Âm thanh của máy thu thanh là giả tạo, là sự hỗn tạp của cuộc sống. Tiếng chim sẻ là âm thanh tự nhiên, là âm thanh của trời đất, chính âm thanh đó mới có bình minh của sự sống, mới làm cho con người trở nên tự tại.

Thể thơ trong *Mộng Ngân Sơn* của Quách Tấn thể hiện ở tứ thơ ngắn gọn, đặc biệt là thơ tứ tuyệt.

Như đã nói thơ của Quách Tấn là thơ Đường luật và tất cả những bài thơ trong *Mộng Ngân Sơn* đều là thơ ngũ ngôn tứ tuyệt (ngũ tuyệt). Có lẽ sau thơ Haiku của Nhật Bản, thơ ngũ ngôn tứ tuyệt là ngắn nhất. Đây là thể thơ ngắn gọn nhưng giàu sức chứa, gợi nhiều hơn là tả, chú trọng ở lớp ý nghĩa ngầm ẩn thôi thúc người đọc không ngừng khám phá. Nói như Thi Vũ đây là thể thơ: “*Bình dị mà sấm nổ. Âm thầm mà chuyển phá. Hiền hòa mà vũ bão. Xuất thân!*” (Quách Giao, 2006: 489).

Có thể nói rằng, mỗi bài thơ *Mộng Ngân Sơn* của Quách Tấn, dù chỉ 20 chữ nhưng sức gợi của nó thì vô cùng, đặc biệt là câu thơ cuối.

Bài thơ *An lành*, ba câu đầu nhà thơ tả thực hình ảnh những nhà sư đi khất thực, đó là những hình ảnh thân quen, đẹp đẽ và đầy ý nghĩa cả đạo lẫn đời. Đến câu thơ cuối: “*An lành mây bốn phương*” như một lời kinh nguyện cầu, đó là một sự gợi để người đọc suy ngẫm, khám phá:

*Run run tay bình bát
Đường trưa thân áo vàng
Từng bước theo từng bước
An lành mây bốn phương.
(An lành)*

Bàn về ngôn ngữ và thể thơ của Quách Tấn là nói đến sự bình dị, tính hàm súc, tính

vô ngôn, đây là những biểu hiện của vị Thiền trong thơ Quách Tấn. Ngôn ngữ và thể thơ của Quách Tấn có cả nghệ thuật “*không bạch*” của phương Đông và hiệu ứng “*dồn nén*” của phương Tây. Cả hai đều là “*hình thức nghệ thuật lấy ít nói nhiều, lấy đơn giản nói phức tạp, từ đơn giản dễ hiểu mà thấy được độ thâm sâu, cả hai điều này đều khiến cho độc giả nghiền ngẫm dư vị “ý ở ngoài lời” của thơ*” (Trần Văn Trọng, 2018: 78).

3. Kết Luận

Trong lịch sử văn học dân tộc, Thiền là một hương vị đặc biệt. Sự kết nối, tương giao của Thiền từ cổ đến kim trong văn học Việt Nam luôn là gợi ý thú vị. Điều đặc biệt và rất hiếm hoi trong thời hiện đại, Quách Tấn lại chính là chiếc cầu kết nối sự tương giao đó. Thơ Quách Tấn nói chung và tập “*Mộng Ngân Sơn*” nói riêng mang đậm vị Thiền và được biểu hiện trên các bình diện như đã bàn ở trên.

Trên trời văn Bình Định, “*Bàn thành tứ hữu*” bao gồm Hàn Mặc Tử, Yên Lan, Quách Tấn và Chế Lan Viên, bốn vị được ví như tứ linh (Long, Lân, Quy, Phụng). Trong đó, Quách Tấn không phải ngẫu nhiên được ví là Quy, tức rùa. Phải chăng chính nhân cách của Quách Tấn; sự trung thành “*cố hữu*” của Quách Tấn với thơ Đường luật; đặc biệt là một hồn thơ trường giả nơi thôn dã, một hồn thơ trong sáng mà uyên thâm, một phong cách thơ thâm trầm vị Thiền mà cũng rất đời, cổ điển mà rất đổi bình dị đã làm nên cụ Rùa Quách Tấn.

Thế giới văn minh với nhiều biến động, lắm thị phi và phiến toái. Đến với thơ Quách Tấn không chỉ để đến với thơ “*rất Việt Nam*”, thơ “*gợi nhớ Đỗ Phủ*”, thơ “*có chiều sâu (của thơ) và chiều cao (của Thiền)*” (Trần Phong Giao, 1991: 6); mà đó còn là sự giải thoát chăng?

Tài liệu tham khảo

Hoài Thanh, Hoài Chân (1998). *Thi nhân Việt Nam*. Hà Nội, Nxb Văn học.

Lê Ngọc Trà (2018). Văn học và hiện thực. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 4, 3-24.

Nguyễn Công Lý (2002). *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

Quách Giao (sưu tầm) (1994). *Quách Tấn qua cái nhìn phê bình văn học*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Quách Giao (tuyển chọn và giới thiệu) (2006). *Quách Tấn tuyển tập thơ*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.

Trần Phong Giao (1991). Thử định vị Quách Tấn trong thi giới cận hiện đại. *Tuần báo Văn nghệ*, Tp Hồ Chí Minh, số 11.

Trần Văn Trọng (2018). Quan hệ giữa hiệu ứng “dồn nén” và nghệ thuật “không bạch” trong thơ ca cổ điển Trung Quốc. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 3, 78-87.